

Bản án số: **97/2024/HS-ST**

Ngày 22 - 5 - 2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Hà

2. Ông Nguyễn Văn Khoái

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Quốc Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 8, Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2024/TLST-HS ngày 11/3/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2024/QĐXXST-HS ngày 07/5/2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L; sinh ngày 14 tháng 7 năm 1993, tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: D D, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; con ông Trịnh Văn H và bà Nguyễn Thị D; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 22/10/2015, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng tại Trung tâm G1 (Quyết định số 401/2015/QĐ-TA). Ngày 20/02/2017, chấp hành xong.

- Ngày 08/01/2018, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 20 tháng tại Cơ sở cai nghiện ma túy – Bảo trợ xã hội G1 (Quyết định số 14/QĐ-TA). Ngày 25/6/2019, chấp hành xong.

- Ngày 08/10/2019, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 20 tháng tại Cơ sở cai nghiện ma túy P2 (Quyết định số 483/QĐ-TA). Ngày 23/3/2021, chấp hành xong.

- Ngày 19/7/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 67/QĐ-QLNN về việc quản lý người nghiện ma túy trong thời gian làm thủ tục đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bị bắt tạm giam ngày 27/9/2023 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Ông Trịnh Văn H, sinh năm 1964; địa chỉ: 3 D, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (cha ruột bị cáo) - có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Lê Thị Ngọc N – Luật sư Văn phòng Luật sư Trịnh Bá T, Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

- *Bị hại:*

1. Anh Trần Phú Minh T1, sinh năm 2003; địa chỉ: D ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

2. Ông Lê Thanh P, sinh năm 1977; địa chỉ: Tô D, Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

3. Anh Nguyễn Hoàng P1, sinh năm 2003; địa chỉ: 2 B, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: A5/150 Ấp A, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

4. Công ty TNHH S1; trụ sở: B45 T, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hồng S; là người đại diện theo ủy quyền của công ty (văn bản ủy quyền ngày 10/10/2023). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, đã thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn Quận H, cụ thể như sau:

* Lần thứ nhất: Vào khoảng 04 giờ 30 phút, ngày 09/8/2023, L đi đến khu vực đường C, Phường D, Quận H để mua ma túy sử dụng. Khi L đi ngang qua trước nhà số I Đường B C, Phường D, Quận H thì thấy cửa cuốn đóng nhưng cửa sắt bên cạnh chỉ khép không khóa, L nhìn vào bên trong nhà thấy chiếc xe gắn máy biển số 59E2-132.76 của anh Trần Phú Minh T1 dựng trong phòng khách. L nảy sinh ý định chiếm đoạt xe đem bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên, L lén lút mở cửa sắt đi vào bên trong nhà, bấm công tắc gắn trên tường để mở cửa cuốn rồi đẩy bộ xe gắn máy biển số 59E2- 132.76 đến bãi đất trống khu C17 Ấp D, xã B, huyện B để cất giấu. Đến chiều cùng ngày 09/8/2023, khi nghe tin Công an đang truy tìm đối tượng trộm xe gắn máy biển số 59E2-132.76 thì L không quay lại lấy xe gắn máy trên đem đi tiêu thụ. Ngày 16/8/2023, trong lúc tuần tra, Công an xã B, huyện B phát hiện xe biển số 59E2-132.76 nên lập biên bản tạm giữ và chuyển vật chứng cho Công an Q xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 22/9/2023, Hội đồng định giá tài sản Quận H có kết luận, xác định xe gắn máy biển số 59E2-132.76 có trị giá là 42.000.000 đồng. Ngày 23/01/2024, Cơ quan cảnh sát

điều tra Công an Q ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại xe cho anh T1. Anh T1 nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

* Lần thứ hai: Vào khoảng 05 giờ ngày 11/8/2023, L điều khiển xe gắn máy biển số 51Z7-5926 đến khu vực Phường G, Quận H tìm kiếm tài sản sơ hở để chiếm đoạt. Khi đi ngang qua nhà không số, trước số A N, Phường G, Quận H thì nhìn thấy cửa nhà chỉ khép hờ bên trong nhà có dựng 02 chiếc xe Wave và 01 xe gắn máy Vario biển số 59L2-800.09 của ông Lê Thanh P (chủ nhà), L dựng xe biển số 51Z7-5926 bên hông nhà ông P rồi lén lút vào trong nhà đẩy bộ xe gắn máy biển số 59L2-800.09 đến khu đất trống trên đường N thuộc huyện B. Tại đây, L lên mạng internet liên hệ và hẹn một người đàn ông tự xưng tên M (không rõ lai lịch) đến cầu B, Phường G, Quận H để bán xe gắn máy biển số 59L2-800.09 cho M với giá 6.000.000 đồng. Sau khi bán xe, L gọi điện nhờ Tài Thị B (bạn gái của L) đến chờ L quay về gần nhà ông P để lấy xe Wave biển số 51Z7-5926 nhưng Bé không đến nên L đón xe ôm công nghệ đến lấy xe. Số tiền có được do phạm tội, L đã tiêu xài hết.

Ngày 22/9/2023, Hội đồng định giá tài sản Quận H có kết luận xác định xe gắn máy biển số 59L2-800.09 có trị giá 25.000.000 đồng. Ông P yêu cầu L bồi thường thiệt hại với số tiền là 30.000.000 đồng.

Xác minh biển số xe 51Z7-5926 do ông Phú Ngọc H1, sinh năm 1968, cư trú tại: D Đường D, phường B, Quận G đứng tên đăng ký. Ông H1 có sở hữu chiếc xe gắn máy biển số 51Z7-5926 nhưng do xe đã hư hỏng, không còn sử dụng được nên ông H1 đã bán phế liệu vào khoảng năm 2015. Bị cáo L khai do sử dụng ma túy nên không nhớ đã vứt bỏ xe biển số 51Z7-5926 ở vị trí nào.

* Lần thứ ba: Vào khoảng 19 giờ ngày 13/8/2023, L tiếp tục điều khiển xe Wave biển số 51Z7-5926 đến khu vực Phường D, Quận H tìm tài sản chiếm đoạt. Khi đến trước công trình xây dựng tại bệnh viện C2, số H C, Phường D, Quận H nhìn thấy không có người trông coi, bên trong công trình có 01 thùng container (nhà tiền chế) được khóa cửa bên ngoài bằng ổ khóa, L nhặt 01 cây sắt tròn có sẵn tại công trình, đưa vào khoảng trống trên ổ khóa cửa rồi cạy bung, gãy khoen cửa. L vào bên trong tìm kiếm và chiếm đoạt 02 Laptop hiệu HP cùng 01 cục sạc Laptop, đây là tài sản của Công ty TNHH S1. L lấy các tài sản trên bỏ vào túi xách có sẵn trong thùng C rồi L đi ra ngoài điều khiển xe biển số 51Z7-5926 đi về phòng trọ tại địa chỉ: E, Ấp E, xã Đ, huyện B cất giấu tài sản.

Ngày 22/9/2023, Hội đồng định giá tài sản Quận H có kết luận định giá 02 chiếc Laptop hiệu HP, 01 cục sạc L1 và 01 túi xách trị giá là 24.000.000 đồng.

* Lần thứ tư: Vào khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 14/8/2023, L đeo túi xách bên trong có 01 Laptop HP đã lấy trộm của Công ty TNHH S1 trước đó đi tìm nơi tiêu thụ. Khi L đi bộ đến trước quán ăn Đ: E (số cũ 2270) Q, xã Đ, huyện B, L nhìn thấy chiếc xe Wave biển số 59P2-918.16 của anh Nguyễn Hoàng P1 dựng tại đây nhưng không có người trông coi, chìa khóa cắm sẵn trên xe. L lén lút đi đến chiếm đoạt xe nổ máy điều khiển về đến trước phòng trọ rồi tháo biển số 59P2-918.16 và gắn biển số 59L1-244.78 vào xe của anh P1. Sau đó, L chụp hình xe 59P2-918.16 (đã thay bằng biển số 59L1-244.78) và 01 Laptop HP (lấy trộm của Công ty TNHH S1) gửi qua tài khoản Zalo cho đối tượng tên M (nêu trên) hẹn Mập đến cầu B, Phường G, Quận H bán số tài sản trên với giá 9.000.000 đồng. Khi L điều khiển xe biển số 59L1-244.78 trên đường N, Phường G, Quận H thì bị Tổ tuần tra Công an P3, Quận H kiểm tra, phát hiện thu hồi vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của L và bàn giao L cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B để điều tra làm rõ.

Ngày 11/9/2023, Hội đồng định giá tài sản huyện B xác định xe gắn máy biển số 59P2-918.16 trị giá 12.650.000 đồng. Ngày 10/10/2023, Phòng PC09 Công an Thành phố H kết luận xe biển số 59L1- 244.78 (biển số thật 59P2-918.16) có số khung, số máy không thay đổi. Ngày 18/12/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra C1 huyện B ra quyết định trả lại xe có số máy JA39E0957238, số khung 3917KY100843 và 01 biển số 59P2-918.16 cho anh P1. Anh P1 nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Đối với biển số xe 59L1- 244.78, L khai nhận được ở trên đường, xác minh biển số xe này được cấp cho bà Cao Võ Ngọc Tuyết M1, địa chỉ: B chung cư P, Phường D, Quận H. Xác minh tại địa chỉ này hiện bà M1 không thực tế cư trú tại đây.

Do có sự nghi ngờ về khả năng nhận thức của Nguyễn Văn L nên ngày 17/8/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q ra quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với L. Ngày 22/9/2023, Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Thành phố H có bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 6425/KLGD xác định: Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản, Đối tượng Nguyễn Văn L có Rối loạn nhân cách và hành vi do sử dụng chất kích thích; Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản, Đối tượng Nguyễn Văn L hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Nguyên nhân gây nên bệnh tâm thần của Đối tượng là do sử dụng chất kích thích.

Việc tạm giữ, xử lý vật chứng:

- 01 xe gắn máy biển số 59E2-132.76 do Công an xã B, huyện B tạm giữ, đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Phú Minh T1.

- 01 xe gắn máy hiệu Wave biển số 59L1-244.78 (biển số thật 59P2-918.16, số máy: JA39E0957238, số khung: 3917KY100843 (thu của L), đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Hoàng P1 .

- 01 điện thoại hiệu Vivo màu xanh (tạm giữ của L) dùng làm phương tiện liên lạc bán tài sản chiếm đoạt của người khác cho đối tượng M.

- 02 máy tính hiệu HP, 01 cục sạc và 01 túi xách màu đen (thu hồi từ L). Ngày 23/01/2024, Cơ quan điều tra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả 02 máy tính hiệu HP; 01 cục sạc và 01 túi xách màu đen cho anh Nguyễn Hồng S, là người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH S1. Đồng thời, Công ty TNHH S1 không có yêu cầu gì khác.

- 01 đĩa CD (anh Trần Phú Minh T1 giao nộp), lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- 01 quần dài màu đen; 01 áo dài tay màu đen trên áo có chữ Gojek.

Tại Cơ quan Điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 75/CT-VKS-Q8 ngày 06/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố;

Bị hại Lê Thanh P xác định yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe bị chiếm đoạt không thu hồi được theo giá tại kết luận định giá là 25.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại P.

* Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 05 năm tù.

Về xử vật chứng:

- 01 xe gắn máy biển số 59E2-132.76 do Công an xã B, huyện B tạm giữ, đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Phú M2 T1 là có căn cứ, nên đề nghị không xét.

- 01 xe gắn máy hiệu Wave biển số 59L1-244.78 (biển số thật 59P2-918.16, số máy: JA39E0957238, số khung: 3917KY100843 (thu của L), đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Hoàng P1 là có căn cứ, nên đề nghị không xét.

- 01 điện thoại hiệu Vivo màu xanh (tạm giữ của L) dùng làm phương tiện liên lạc bán tài sản chiếm đoạt của người khác cho M, nên đề nghị tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- 01 biển số 59L1-244.78, không có giá trị sử dụng, nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- 02 máy tính hiệu HP, 01 cục sạc và 01 túi xách màu đen (thu hồi từ L). Ngày 23/01/2024, Cơ quan điều tra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả 02 máy tính hiệu HP; 01 cục sạc và 01 túi xách màu đen cho anh Nguyễn Hồng S – đại diện Công ty TNHH S1 là có căn cứ, nên đề nghị không xét.

- 01 đĩa CD (anh Trần Phú Minh T1 giao nộp), là chứng cứ vụ án, nên đề nghị tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án

- 01 quần dài màu đen; 01 áo dài tay màu đen trên áo có chữ Gojek (thu của L), không có giá trị sử dụng, nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người có nhược điểm về tinh thần và tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án khoan hồng nhất.

Bị cáo khai báo về hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Kết luận định giá tài sản số 173 ngày 22/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân Quận H2, Kết luận định giá tài sản số 2773 ngày 19/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản, Ủy ban nhân dân huyện B, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Nguyễn Văn L đã 04 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

- Vào khoảng 04 giờ 30 phút, ngày 09/8/2023, bị cáo Nguyễn Văn L lợi đi qua nhà số I Đường B C, Phường D, Quận H, thấy cổng nhà chỉ khép không khóa, nên đã lén lút vào trong nhà chiếm đoạt chiếc xe gắn máy Yamaha MT15, biển số 59E2-132.76 của anh Trần Phú Minh T1 trị giá 42.000.000 đồng.

- Khoảng 05 giờ ngày 11/8/2023, Nguyễn Văn L đi qua nhà số A đường N, Phường G, Quận H thấy cửa nhà chỉ khép hờ chứ không khóa, nên L đã lén vào trong chiếm đoạt 01 chiếc xe gắn máy Vario, biển số 59L2-800.09 của ông Lê Thanh P trị giá 25.000.000 đồng.

- Khoảng 19 giờ ngày 13/8/2023, tại công trình xây dựng số H C, Phường D, Quận H, Nguyễn Văn L lợi dụng sơ hở thấy công trình không có người trông coi, đã lén lút chiếm đoạt 02 Laptop HP 15, Core i5 – 1135G7 11th Gen Intel, 01 cục sạc Laptop và 01 túi xách của Công ty TNHH S1 trị giá 24.000.000 đồng.

- Khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 14/8/2023, tại trước số E (số cũ 2270) Q, xã Đ, huyện B, Nguyễn Văn L tiếp tục lợi dụng sơ hở chủ sở hữu (không có người trông coi, chìa khóa cắm sẵn trên) đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển số 59P2-918.16 của anh Nguyễn Hoàng P1, trị giá 12.650.000 đồng.

Tổng trị giá các tài sản Nguyễn Văn L chiếm đoạt là 103.650.000 đồng.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 6425/KLGD ngày 22/9/2023 của Trung tâm Pháp y Tâm thần Khu vực Thành phố H xác định: Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản Đối tượng Nguyễn Văn L có Rối loạn nhân cách và hành vi do sử dụng chất kích thích; Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản Đối tượng Nguyễn Văn L hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Nguyên nhân gây nên bệnh tâm thần của Đối tượng là do sử dụng chất kích thích. Căn cứ Điều 21 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, bị cáo không thuộc trường hợp “không phải chịu trách nhiệm hình sự”, do vậy, bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

Do vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Bị cáo là người trưởng thành, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm vì đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội. Cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức giáo dục, răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với Tài Thị B không biết L thực hiện hành vi trộm cắp nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với người thanh niên tên M mua tài sản do L phạm tội mà có, qua xác minh không xác định được lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh không đủ căn cứ để xem xét xử lý.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi một phần trả lại cho bị hại. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào hồ sơ bệnh án của bị cáo tại Bệnh viện T2, Sở Y tế Thành phố H thể hiện bị cáo bị trầm cảm nặng với các triệu chứng loạn thần, rối loạn lo âu lan tỏa, loạn thần không thực tồn, không biệt định; tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 6425/KLGD ngày 22/9/2023 của Trung tâm Pháp y Tâm thần Khu vực Thành phố H xác định: Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản, Đối tượng Nguyễn Văn L hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm q Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 04 lần, giá trị tài sản mỗi lần chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng, do vậy bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân rất xấu, đã từng bị xét xử, xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nên đây là tình tiết cần nhắc khi Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt cho phù hợp với nhân thân bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Trần Phú Minh T1, anh Nguyễn Hoàng P1 và Công ty TNHH S1 đã nhận lại tài sản chiếm đoạt, không có yêu cầu gì thêm, vắng mặt tại phiên tòa, nên không xét.

Tại phiên tòa, ông Lê Thanh P xác định lại yêu cầu, chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe bị chiếm đoạt là 25.000.000 đồng, bị cáo cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh P, nên buộc bị cáo bồi thường cho anh P số tiền 25.000.000 đồng.

[6] Xử lý vật chứng:

- 01 xe gắn máy biển số 59E2-132.76 do Công an xã B, huyện B tạm giữ, đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Phú M2 T1 là có căn cứ, nên không xét.

- 01 xe gắn máy hiệu Wave biển số 59P2-918.16, số máy: JA39E0957238, số khung: 3917KY100843 (thu hồi từ L), đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Hoàng P1 là có căn cứ, nên không xét.

- 01 biển số 59L1-244.78, không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại hiệu Vivo màu xanh (tạm giữ của L) dùng làm phương tiện liên lạc bán tài sản chiếm đoạt của người khác cho M, căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- 02 máy tính hiệu HP, 01 cục sạc và 01 túi xách màu đen (thu hồi từ L). Ngày 23/01/2024, Cơ quan điều tra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả 02 máy

tính hiệu HP; 01 cục sạc và 01 túi xách màu đen cho anh Nguyễn Hồng S – đại diện Công ty TNHH S1 là có căn cứ, nên không xét.

- 01 đĩa CD (anh Trần Phú Minh T1 giao nộp), là chứng cứ vụ án, nên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- 01 quần dài màu đen; 01 áo dài tay màu đen trên áo có chữ G (tạm giữ của L), không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Người bào chữa cho bị cáo thống nhất và không tranh luận về tội danh và khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà người bào chữa đề nghị xem xét cho bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[8] Bị cáo phải nộp án phí dân sự, hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 173; các Điểm s, q Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2023.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

2.1. Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại hiệu Vivo màu xanh.

2.2. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 biển số xe 59L1-244.78;

- 01 quần dài màu đen;

01 áo dài tay màu đen trên áo có chữ Gojek.

(Biên bản giao – nhận tang tài vật ngày 20/3/2024)

3. Áp dụng Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 357; Điều 468; Điều 584, Điều 585, Khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L bồi thường cho ông Lê Thanh P số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

4. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Bị cáo phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000 (một triệu, hai trăm, năm mươi ngàn) đồng.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bị cáo có nghĩa vụ thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Quận 8;
- VKSND TP.HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THAHS CA Quận 8;
- Trại tạm giam Chí Hòa;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53.
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Hoa